TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL,** **TỈNH ĐẮKNÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/HNGĐ-ST
Ngày 15/7/2022
V/v Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Tịnh

2. Bà Hoàng Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 160/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện M, tỉnh Đăk Nông.

(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn*: Ông Đỗ Phước L, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện M, tỉnh Đăk Nông.

(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn và Nguyễn Thị X trong quá trình giải quyết vụ án: Bà và ông Đỗ Phước L cưới nhau năm

1988 tại xã A, huyện M, tỉnh Đăk Nông. Cả hai chỉ tổ chức đám cưới chứ không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, ông bà chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 1991 do mâu thuẫn quá trầm trọng nên bà và ông L không sống chung với nhau nữa và mỗi người tự lo cho cuộc sống riêng cho đến nay. Trong thời gian chung sống, có hai con chung là cháu Đỗ Phước N, sinh năm 1988 và cháu Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1991. Lý do cháu Nguyễn Thị Thanh N là con chung của cả hai nhưng do thời gian đó cả hai đã phát sinh mâu thuẫn nên bà đã lấy họ mẹ là 'Nguyễn" để khai sinh cho cháu. Trong thời gian chung sống cả hai không có tài sản chung, không có nợ chung. Sau khi không chung sống với ông L nữa thì bà có tạo lập được một số tài sản riêng do bà đứng tên. Bà xét thấy giữa bà và ông L có thời gian chung sống như vợ chồng, nhưng do mâu thuẫn nên đã không còn sống chung từ năm 1991. Bà muốn chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông L, do đó, bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đỗ Phước L. Về con chung: các cháu đều đã trưởng thành.Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Theo lời trình bày của bị đơn ông Đỗ Phước L trong quá trình giải quyết vụ án thì: ông Đỗ Phước L nhất trí với lời trình bày của bà Nguyễn Thị X về thời gian tổ chức đám cưới, thời gian sống chung và con chung. Hiện nay bà Nguyễn Thị X yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông thì ông cũng đồng ý thuận tình ly hôn, vì thực tế cả hai đã không còn chung sống với nhau từ năm 1991. Tuy nhiên, do ông và bà X không có đăng ký kết hôn nên ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung: Các cháu đã trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại biên bản xác minh ngày 20/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, Ủy ban nhân dân xã A xác nhận: Không có thông tin về việc đăng ký kết hôn của bà Nguyễn Thị X và ông Đỗ Phước L tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện M, tỉnh Đăk Nông.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đã tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào quy định tại Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử: Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa

bà Nguyễn Thị X và ông Đỗ Phước L là vợ chồng.Về con chung: Các cháu đã đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Về án phí: bà Nguyễn Thị X phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: bà Nguyễn Thị X yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với ông Đỗ Phước L nên đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn (ông Đỗ Phước L) có đăng ký hộ khẩu và hiện đang sinh sống tại thôn T, xã A, huyện M, tỉnh Đắk Nông nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 và khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.3. Về sự vắng mặt của các đương sự: bà Nguyễn Thị X và ông Đỗ Phước L đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị X và ông Đỗ Phước L chung sống với nhau từ năm 1988, mặc dù có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn mà chỉ tổ chức đám cưới. Sau khi về sống chung chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, đến năm 1991 thì cả hai sống ly thân, mỗi người tự lo cho cuộc sống của mình từ đó cho đến nay do đó bà Nguyễn Thị X làm đơn xin ly hôn với ông Đỗ Phước L. Ông Đỗ Phước L cũng đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn X.

Theo Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Nam, nữ có đủ điều kiện két hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng"*. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị X và ông Đỗ Phước L không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình quy định *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này*.".

Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ vào khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị X và ông Đỗ Phước L là vợ chồng là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Hai con chung của bà Nguyễn Thị X và ông Đỗ Phước L là cháu Đỗ Phước N, sinh năm 1988 và Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1991 đều đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có tài sản chung, không có nợ chung nên không có yêu cầu giải quyết.

[2.4] Về án phí DSST**:** Căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án bà Nguyễn Thị X phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[2.5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 và khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều Điều 228; Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị X và ông Đỗ Phước L là vợ chồng.

2. Về con chung: Các con chung đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có

4. Về án phí: bà Nguyễn Thị X phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm

nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000919 ngày 14/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐắkNông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Thắng